

姓名 /xìng míng: _____
(name):

rì qī _____
(Date):

Look at the word. Circle the picture that matches.

足球
zú qiú



篮球
lán qiú



网球
wǎng qiú



姓名 /xìng míng: _____
(name):

rì qī _____
(Date):

Look at the word. Circle the picture that matches.

排球
pái qiú



羽毛球
yǔ máo qiú



乒乓球
pīng pāng qiú

